TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

2. Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Nguyễn Thụy Linh T, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Ấp XT, xã P, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Địa chỉ liên lạc: X Đại lộ Bình Dương, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh N, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú: Số X khu phố CL, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án N đơn bà Nguyễn Thụy Linh T trình bày:

Bà Nguyễn Thụy Linh T và ông Phạm Thanh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận số 31, ngày 27/7/2016. Quá trình sống chung bà T và ông N không có con chung. Sau khi kết hôn, bà T và ông N sinh sống tại địa chỉ khu phố Chánh Lộc 3, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Đời sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ những việc đơn giản. Vợ chồng không còn lắng nghe, chia sẻ và tôn trọng nhau và theo thời gian mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cả hai vợ chồng đã nhiều lần hòa giải và trao đổi nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không có kết quả. Do đó, bà T nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông N không thể hàn gắn nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông N. Về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ

chung không yêu cầu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thanh N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng ông N không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn. Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông N cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 11/8/2022, bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. N đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của N đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

N đơn bà Nguyễn Thụy Linh T khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Phạm Thanh N. Bị đơn ông Phạm Thanh N có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

N đơn bà Nguyễn Thụy Linh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phạm Thanh N vắng mặt lần 2. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

N đơn bà Nguyễn Thụy Linh T và bị đơn ông Phạm Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông N vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, N nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì đại diện chính quyền địa phương nơi bà T và ông N cư trú tại phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của bà T và ông N, đồng thời cũng không ghi nhận được tình trạng mâu thuẫn cụ thể của bà T và ông N. Nhận thấy, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân hạnh phúc của bà T và ông N đã không đạt được, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết, ông N mặc dù đã được thông báo về việc bà T có yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, vắng mặt và không có văn bản

phản hồi ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà T hoặc có đơn trình bày lý do bất khả kháng để không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy, bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: N đơn bà Nguyễn Thụy Linh T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Linh T và ông Phạm Thanh N về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Linh T được ly hôn đối với ông Phạm Thanh N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Linh T và ông Phạm Thanh N không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thụy Linh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001371 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương